TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU PHÚ** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 303/2024/HNGĐ-ST
Ngày 17-5-2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Điệp

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trương Thị Thu Thủy

Ông Mai Minh Chánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Mai, Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên toà: Ông Lê Văn Thạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 98/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2024 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 215/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 233/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Bé S, sinh ngày 01/01/1985; nơi cư trú: Ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang; Căn cước công dân số …… (có yêu cầu xét xử vắng mặt).

-*Bị đơn:* Ông Trần Văn C, sinh ngày 01/01/1983; nơi cư trú: Ấp K, xã K, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang; Căn cước công dân số ……. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bé S trình bày:

Bà với ông Trần Văn C tự nguyện chung sống với nhau, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Hòa, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 64 ngày 05/5/2004. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn nên đã sống ly thân với nhau từ năm 2019 đến nay. Bà yêu cầu được ly hôn với ông Trần Văn C.

Bà với ông Trần Văn C có 02 con chung tên Trần Văn Chế K sinh ngày 08/4/2004 (đã thành niên và có khả năng lao động) và Trần Thị Như Y sinh ngày 06/01/2008 hiện nay đang do bà nuôi dưỡng. Sau ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung Trần Thị Như Y, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Trần Văn C vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, không cung cấp ý kiến.

- Tại phiên toà:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu quan điểm:

Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bé S đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình và có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Trần Văn C đã được Tòa án triệu tập, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt là vi phạm nghĩa vụ quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt.

Bà Nguyễn Thị Bé S yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn C là có cơ sở chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử cho bà Nguyễn Thị Bé S ly hôn ông Trần Văn C; giao con chung tên Trần Thị Như Y sinh ngày 06/01/2008 hiện nay đang do bà nuôi dưỡng cho bà Nguyễn Thị Bé S trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Nguyễn Thị Bé S không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng

[1.1] Bà Nguyễn Thị Bé S khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn C cư trú tại xã Khánh Hòa, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang và có yêu cầu giải quyết về con chung. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Châu Phú thụ lý vụ án về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bé S vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Trần Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có yêu cầu phản tố. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt.

[1.3] Bị đơn ông Trần Văn C không đưa ra chứng cứ, ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện và chứng cứ do nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bé S cung cấp. Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[2] Về nội dung vụ án

[2.1] Bà Nguyễn Thị Bé S trình bày bà với ông Trần Văn C tự nguyện sống chung với nhau. Bà Nguyễn Thị Bé S với ông Trần Văn C đăng ký kết hôn Ủy ban nhân dân xã Khánh Hòa, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 64 ngày 05/5/2004 nên bà Nguyễn Thị Bé S với ông Trần Văn C xác lập quan hệ giữa vợ và chồng. Giấy khai sinh số 522 ngày 13/8/2009 và số 68 đăng ký ngày 29/02/2008 của Ủy ban nhân dân xã Khánh Hòa, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang thể hiện Trần Văn Chế K sinh ngày 08/4/2004 và Trần Thị Như Y sinh ngày 06/01/2008 là con của bà Nguyễn Thị Bé S với ông Trần Văn C.

[2.2] Tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau"*. Trong quá trình sống chung bà Nguyễn Thị Bé S và ông Trần Văn C phát sinh mâu thuẫn nên đã không sống chung với nhau từ năm 2019; không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Bé S kiên quyết yêu cầu được ly hôn, trình bày tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng, không thể tiếp tục sống chung với nhau. Ông Trần Văn C không có ý kiến thể hiện muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tòa án đã thông báo hòa giải nhưng các đương sự vắng mặt nên không hòa giải được vụ án. Vậy, Bà Nguyễn Thị Bé S và ông Trần Văn C đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Bé S.

[2.3] Bà Nguyễn Thị Bé S và ông Trần Văn C có con chung là Trần Văn Chế K sinh ngày 08/4/2004 và Trần Thị Như Y sinh ngày 06/01/2008. Xét thấy, Đối với Trần Văn Chế K sinh ngày 08/4/2004 đã thành niên, bà Nguyễn Thị Bé S trình bày Trần Văn Chế K có khả năng lao động. Cháu Trần Thị Như Y sinh ngày 06/01/2008 có nguyện vọng được sống chung với bà Nguyễn Thị Bé S và hiện nay do bà Nguyễn Thị Bé S trực tiếp nuôi. Bà Nguyễn Thị Bé S có yêu cầu được trực tiếp nuôi Trần Thị Như Y. Ông Trần Văn C không có yêu cầu trực tiếp nuôi con. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao Trần Thị Như Y sinh ngày 06/01/2008 cho bà Nguyễn Thị Bé S trực tiếp nuôi.

Bà Nguyễn Thị Bé S không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được pháp luật quy định thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi về cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.4] Bà Nguyễn Thị Bé S và ông Trần Văn C không có yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Trường hợp nếu có tranh chấp liên quan đến tài sản chung hoặc nợ chung thì sẽ được giải quyết theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: Do bà Nguyễn Thị Bé S là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Bé S và ông Trần Văn C.

- Về con chung: Giao con chung của bà Nguyễn Thị Bé S và ông Trần Văn C là Trần Thị Như Y sinh ngày 06/01/2008 cho bà Nguyễn Thị Bé S trực tiếp nuôi.

Ông Trần Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp ông Trần Văn C lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà Nguyễn Thị Bé S có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông Trần Văn C. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được pháp luật quy định thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi về cấp dưỡng nuôi con chung.

-Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị Bé S phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án, lệ phí Tòa án số 0005338 ngày 01 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

Thời hạn kháng cáo đối với bản án của bà Nguyễn Thị Bé S và ông Trần Văn C là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Phú;
- Chi cục THADS huyện Châu Phú;
- UBND xã Khánh Hòa, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang;
- Đương sự;
- Lưu VP; hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Ngọc Điệp